

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ PHỦ LÝ  
TỈNH HÀ NAM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

*Bản án số: 111/2020/HS-ST*

*Ngày 08 - 9 - 2020.*

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ PHỦ LÝ - TỈNH HÀ NAM**

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

-Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Xuyên

- Các Hội thẩm nhân dân: Bà Đoàn Thị Huệ và ông Trịnh Văn Chi.

***Thư ký phiên tòa:*** Bà Đỗ Thị Nhung - Là Thư ký của Tòa án nhân dân thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phủ Lý tham gia phiên tòa:*** Ông Nguyễn Thanh Bình - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 9 năm 2020, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 99/2020/TLST-HS ngày 04 tháng 8 năm 2020, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 109/2020/QĐXXST-HS ngày 26 tháng 8 năm 2020, đối với các bị cáo:

**1/ Hoàng Trung T1**, sinh năm 1974; nơi cư trú: thôn NN, xã LC, huyện TL, tỉnh Hà Nam; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Hoàng Văn L (Đã chết) và bà: Nguyễn Thị C, sinh năm 1947; vợ: Nguyễn Thị H, sinh năm 1978; con: có 02 con, con lớn sinh năm 1999, con nhỏ sinh năm 2003; tiền án, tiền sự: Không. Bị tạm giữ từ ngày 22/5/2020 đến ngày 27/5/2020 được áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú. Hiện đang được tại ngoại tại địa phương theo Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú của Tòa án nhân dân thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam. Có mặt tại phiên tòa.

**2/ Lê Xuân N**, sinh năm 1968; nơi cư trú: thôn T, xã LT, thành phố PL, tỉnh Hà Nam; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 07/10; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Lê Văn Đ và bà: Lê Thị S (Đều đã chết); Vợ: Lê Thị Đ, sinh năm 1973; con: Có 03 con, con lớn sinh năm 1992, con nhỏ sinh năm 2005; tiền án, tiền sự: Không. Bị tạm giữ từ ngày 22/5/2020 đến ngày 27/5/2020 được áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú. Hiện đang được tại ngoại tại địa phương theo Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú của Tòa án nhân dân thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam. Có mặt tại phiên tòa.

**3/ Lê Văn T2**, sinh năm 1976; nơi cư trú: thôn T, xã LT, thành phố PL, tỉnh Hà Nam; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 07/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Lê Văn N (Đã chết) và bà: Lê Thị H, sinh năm 1941; Vợ: Lê Thị G, sinh năm 1976; con: Có 02

con, con lớn sinh năm 2000, con nhỏ sinh năm 2006; tiền án, tiền sự: Không. Bị tạm giữ từ ngày 22/5/2020 đến ngày 27/5/2020 được áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú. Hiện đang được tại ngoại tại địa phương theo Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú của Tòa án nhân dân thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam. Có mặt tại phiên tòa.

**4/ Lê Công L**, sinh năm 1980; nơi cư trú: thôn T, xã LT, thành phố PL, tỉnh Hà Nam; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 08/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Lê Công T, sinh năm 1954 và bà: Lê Thị T, sinh năm 1953; Vợ: Lê Thị H, sinh năm 1984; con: Có 03 con, con lớn sinh năm 2009, con nhỏ sinh năm 2013; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Ngày 24/7/2012, Tòa án nhân dân tỉnh Hà Nam xử phạt 18 tháng cải tạo không giam giữ về tội “Đánh bạc”. Bị tạm giữ từ ngày 22/5/2020 đến ngày 27/5/2020 được áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú. Hiện đang được tại ngoại tại địa phương theo Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú của Tòa án nhân dân thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam. Có mặt tại phiên tòa.

**5/ Lê Văn I**, sinh năm 1960; nơi cư trú: thôn T, xã LT, thành phố PL, tỉnh Hà Nam; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 07/10; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Lê Văn Đ và bà: Lê Thị S (Đều đã chết); vợ: Lê Thị V, sinh năm 1962; con: Có 02 con, con lớn sinh năm 1984, con nhỏ sinh năm 1986; tiền án, tiền sự: Không. Bị tạm giữ từ ngày 22/5/2020 đến ngày 27/5/2020 được áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú. Hiện đang được tại ngoại tại địa phương theo Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú của Tòa án nhân dân thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam. Có mặt tại phiên tòa.

## **NỘI DUNG VỤ ÁN**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 20 giờ 30 phút, ngày 21/5/2020, Lê Văn I đang ở nhà tại thôn T, xã LT, thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam thì Lê Văn T2, Lê Công L, Hoàng Trung T1 và Lê Xuân N đến cùng vào ngồi uống nước dưới chiếu trải ở sân. Lúc này, T2, L, T1, N cùng rủ nhau chơi đánh bạc được thua bằng tiền dưới hình thức chơi “*Lốc*”. I đi vào nhà lấy bộ tứ lơ khơ 52 cây trong tủ nhà, mang ra để lên chiếu cho T1, N, T2, L chơi rồi I đi vào trong nhà nằm nghỉ.

\* Quá trình chơi các bị cáo T1, N, T2, L đã thống nhất quy luật chơi và tỷ lệ được thua như sau:

Các bị cáo sử dụng bộ tứ lơ khơ có 52 cây (lá bài) mặt sau có hoa văn màu xanh gồm các lá bài 2,3,4,5,6,7,8,9,10,J,Q,K,A tương ứng với các chất rô, cơ, bích, tép. Các bị cáo chơi bài “*Lốc*”. Mỗi ván chơi, người chia bài, chia cho mỗi người 10 lá bài. Sau khi chia xong, nếu ai xin “*Lốc*” mà đánh hết các lá bài, không bị ai chặn được là thắng và được của mỗi người chơi 100.000 đồng, còn nếu bị chặn thì phải đưa 600.000 đồng cho người chặn được. Còn chia xong không ai xin “*Lốc*” thì bắt đầu đánh từ người chia bài đến khi có người đánh hết các lá bài thì người này là người thắng và được tiền của những người chơi với cách tính đếm lá bài của mỗi người chơi còn lại, mỗi lá bài tương ứng với 5.000 đồng, người chơi nào trong suốt quá trình của mỗi ván chơi mà không đánh được lá bài nào (*Bài*

còn nguyên 10 lá) coi là bị “Cháy hoặc Lũng” thì phải đưa cho người thắng 80.000 đồng.

Ngoài ra T1, N, T2, L còn quy ước nếu mỗi ván chơi, người chơi nào xin “Lốc” mà đánh thắng thì phải trích ra 20.000 đồng để khi chơi xong sẽ đưa lại cho I coi như tiền điện nước.

Đến khoảng 23 giờ cùng ngày, khi T1, T2, L, N đang đánh bạc thì bị lực lượng Công an thành phố Phủ Lý phát hiện bắt quả tang.

**\* Vật chứng, tài sản thu giữ gồm:**

- 01 chiếc chiếu cói màu vàng có viền màu đỏ ở giữa và có hoa văn màu đỏ.
- Thu trên chiếu: 52 cây bài tứ lơ khơ, số tiền 3.235.000 đồng.
- Thu giữ của Hoàng Trung T1: 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 105 màu đen đã qua sử dụng, 01 chiếc ví dạng da màu nâu, 01 giấy phép lái xe mang tên Hoàng Trung T1; 01 đăng ký mô tô, xe máy BKS: 89F8-1361 tên chủ xe Phạm Quang Vĩ, số tiền 6.210.000 đồng và 01 chiếc xe mô tô BKS: 89F8-1361.

- Thu giữ của Lê Xuân N: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy J2 Prime màu vàng, số IMEI 1: 354072093269737, IMEI 2: 354073093269735, 01 chiếc ví da màu nâu bên trong có số tiền 2.002.000 đồng.

- Thu giữ của Lê Công L: 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy J7 pro màu vàng, số IMEI 1: 356446086136954, số IMEI 2: 356447086136952, 01 chiếc ví da màu đen bên trong có số tiền 510.000 đồng, 01 căn cước công dân, 01 giấy phép lái xe, 01 chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy đều mang tên Lê Công L.

- + Thu giữ của Lê Văn T2: 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy J4 màu đen, số IMEI 1: 352987109386138, số IMEI 2: 352988109386136 đã qua sử dụng và số tiền 509.000 đồng.

Tổng số tiền các bị cáo Hoàng Trung T1, Lê Văn T2, Lê Xuân N, Lê Công L sử dụng vào việc đánh bạc là: 12.466.000 đồng.

Từ những nội dung trên, bản cáo trạng số: 103/CT-VKS-PL ngày 03/8/2020 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phủ Lý đã truy tố các bị cáo Hoàng Trung T1, Lê Văn T2, Lê Xuân N, Lê Công L, Lê Văn I về tội “Đánh bạc” theo quy định tại khoản 1 Điều 321 của Bộ luật Hình sự.

**\* Tại phiên tòa sơ thẩm hôm nay:**

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phủ Lý luận tội: Giữ nguyên quan điểm truy tố các bị cáo như đã nêu trong bản cáo trạng, không thay đổi, bổ sung gì thêm. Sau khi phân tích tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, nhân thân các bị cáo, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố các bị cáo Hoàng Trung T1, Lê Văn T2, Lê Xuân N, Lê Công L, Lê Văn I phạm tội “Đánh bạc”.

- + Áp dụng khoản 1 Điều 321; Điều 17; Điều 58; Điều 50; Điều 65 (Đối với tất cả các bị cáo); điểm i, s khoản 1 Điều 51 (Đối với T1, N, T2, I); điểm x khoản 1 Điều 51 (Đối với I); điểm s khoản 1 Điều 51 (Đối với L); khoản 2 Điều 51 (Đối với N, I, L) của Bộ luật Hình sự. Đề nghị xử phạt:

Bị cáo Lê Công L từ 12 đến 15 tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 24 đến 30 tháng.

Các bị cáo Hoàng Trung T1, Lê Văn T2, Lê Xuân N, Lê Văn I mỗi bị cáo từ 09 đến 12 tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 18 đến 24 tháng.

+ Về hình phạt bổ sung: Đề nghị áp dụng khoản 3 Điều 321; Điều 35 của Bộ luật Hình sự, phạt các bị cáo Hoàng Trung T1, Lê Văn T2, Lê Xuân N, Lê Công L mỗi bị cáo từ 1.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng sung Ngân sách Nhà nước.

+ Về xử lý vật chứng của vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 47 của Bộ luật Hình sự; Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự:

Tịch thu và tiêu hủy: 01 chiếc chiếu cói màu vàng và 52 cây bài tú lơ khơ.

Tịch thu sung Ngân sách Nhà nước: số tiền 12.466.000đ.

- Các bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như bản cáo trạng đã truy tố và nhất trí với bản cáo trạng mà Viện kiểm sát đã công bố tại phiên tòa. Các bị cáo không tranh luận bào chữa gì. Lời nói sau cùng các bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của những người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của những người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Đánh giá về tội danh: Đối chiếu lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa với lời khai của các bị cáo trong quá trình điều tra. Hội đồng xét xử thấy cơ bản phù hợp với nhau, phù hợp với biên bản bắt người phạm tội quả tang về thời gian, địa điểm, diễn biến vụ án, vật chứng thu giữ cũng như các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án đã được cơ quan điều tra thu thập.

Như vậy, có đủ cơ sở kết luận: Khoảng thời gian từ 20 giờ 30 phút đến 23 giờ, ngày 21/5/2020, tại nhà của Lê Văn I ở thôn T, xã LT, thành phố PL, tỉnh Hà Nam, Lê Văn I lấy bộ bài tú lơ khơ trong tủ ra để Hoàng Trung T1, Lê Xuân N, Lê Văn T2, Lê Công L đánh bạc được thua bằng tiền dưới hình thức chơi “*Lốc*” với tổng số tiền là 12.466.000 đồng, thì bị lực lượng Công an thành phố Phủ Lý phát hiện bắt quả tang.

Do vậy hành vi của các bị cáo Hoàng Trung T1, Lê Văn T2, Lê Xuân N, Lê Công L, Lê Văn I đã đủ yếu tố cấu thành tội “Đánh bạc”, tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 321 của Bộ luật Hình sự. Quan điểm truy tố của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phủ Lý đối với các bị cáo như bản cáo trạng đã nêu là có căn cứ, đúng người, đúng tội.

[3] Đánh giá về hình phạt:

- Hình phạt chính: Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến trật tự công cộng trên địa bàn thành phố Phủ Lý, gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến tình hình an ninh trật tự, an toàn xã hội, là nguyên nhân phát sinh các tệ nạn xã hội. Hành vi này nếu không được ngăn chặn kịp thời sẽ kéo theo nhiều hệ lụy cho gia đình và xã hội. Vì vậy, cần xử phạt các bị cáo bằng mức hình phạt nghiêm mới có tác dụng giáo dục, cải tạo các bị cáo và phòng ngừa tội phạm chung trong cộng đồng. Tuy nhiên, cũng cần phải đánh giá số tiền, mức độ tham gia của từng bị cáo trong vụ án, để quyết định hình phạt cho phù hợp, khách quan, phản ánh đúng tính chất, mức độ của hành vi phạm tội.

Xem xét vai trò của từng bị cáo trong vụ án thì thấy: Các bị cáo Hoàng Trung T1, Lê Xuân N, Lê Văn T2, Lê Công L cùng tham gia đánh bạc, bị cáo Lê Văn I biết các bị cáo đánh bạc ăn tiền, nhưng vẫn cho mượn địa điểm, chuẩn bị công cụ cho các bị cáo đánh bạc. Do vậy các bị cáo có vai trò ngang nhau trong vụ án.

Khi lượng hình cũng cần cân nhắc đến các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của các bị cáo để áp dụng hình phạt.

Về nhân thân: Các bị cáo Hoàng Trung T1, Lê Văn T2, Lê Xuân N, Lê Văn I là những người có nhân thân tốt, chưa có tiền án tiền sự; bị cáo Lê Công L có nhân thân xấu, đã từng bị xét xử về tội “Đánh bạc” nhưng không lấy đó làm bài học mà vẫn thực hiện hành vi phạm tội. Do đó khi lượng hình Hội đồng xét xử cũng sẽ cân nhắc đến các tình tiết này.

Về tình tiết giảm nhẹ: Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo đã thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội của mình. Các bị cáo Hoàng Trung T1, Lê Văn T2, Lê Xuân N, Lê Văn I phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Ngoài ra, bị cáo I là người có công với cách mạng là thương binh, sau khi sự việc xảy ra đã ra đầu thú; bị cáo N có thời gian tham gia nghĩa vụ quân sự; bị cáo L có ông nội là liệt sĩ, cụ nội được truy tặng danh hiệu bà mẹ Việt Nam anh hùng. Do đó, các bị cáo T1, T2 được hưởng tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Bị cáo N được hưởng tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Bị cáo I được hưởng tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm i, s, x khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Bị cáo Lê Công L được hưởng tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

Về tình tiết tăng nặng: Các bị cáo không phải chịu một tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào.

Qua xem xét về nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo. Hội đồng xét xử thấy: Các bị cáo có nơi cư trú, có lý lịch rõ ràng, có nhiều tình tiết giảm nhẹ. Vì vậy không cần thiết phải cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội, mà cho các bị cáo hưởng án treo cải tạo tại địa phương theo quy định tại Điều 65 của Bộ luật Hình sự cũng đủ tác dụng giáo dục các bị cáo trở thành công dân tốt, có ích cho xã hội mà vẫn đáp ứng được yêu cầu phòng, chống tội phạm trong cộng đồng.

- Hình phạt bổ sung: Xét mục đích phạm tội của các bị cáo Hoàng Trung T1, Lê Văn T2, Lê Xuân N, Lê Công L là đánh bạc để trục lợi bất chính về kinh tế nên cần thiết phải áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo. Tuy

nhiên, Hội đồng xét xử cũng xem xét đến hoàn cảnh kinh tế của các bị cáo để áp dụng mức phạt cho phù hợp. Bị cáo Lê Văn I cho các bị cáo mượn địa điểm để đánh bạc nhưng không có mục đích trục lợi về kinh tế, nên không cần thiết phải áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo I.

[4] Về vật chứng:

- Đối với 01 chiếc chiếu cói màu vàng; 52 cây tú lơ khơ là công cụ các bị cáo sử dụng để đánh bạc cần tịch thu tiêu hủy.

- Đối với số tiền 12.466.000đ thu giữ tại chiếu bạc và của các bị cáo T1, N, L, T2 đều sử dụng vào mục đích để đánh bạc, nên cần tịch thu sung Ngân sách Nhà nước.

- Đối với 01 điện thoại di động nhãn hiệu NOKIA 105 màu đen, 01 ví da màu đen, 01 giấy phép lái xe mang tên Hoàng Trung T1, 01 chiếc xe máy BKS: 89F8-1361, 01 Đăng ký xe mô tô mang tên Phạm Quang Vỹ là tài sản giấy tờ hợp pháp của Hoàng Trung T1. Đối với 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy J2 Prime màu vàng, 01 ví da màu nâu là tài sản hợp pháp của Lê Xuân N. Đối với 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy J7 Pro màu vàng, 01 ví da màu đen, 01 Căn cước công dân, 01 giấy phép lái xe, 01 chứng nhận đăng ký xe máy đều mang tên Lê Công L. Đối với 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy J4+ màu đen là tài sản hợp pháp của Lê Văn T2. Các tài sản giấy tờ trên không liên quan đến hành vi phạm tội của các bị cáo. Vì vậy, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Phủ Lý đã trả lại các giấy tờ và tài sản trên cho các bị cáo T1, N, L, T2 là phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí hình sự sơ thẩm: Các bị cáo phải nộp theo quy định của pháp luật.

[6] Về quyền kháng cáo: Các bị cáo thực hiện quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên.*

## **QUYẾT ĐỊNH**

[1] Căn cứ khoản 1 Điều 321; Điều 17; Điều 58; Điều 50; Điều 65; Điều 47 (Đối với tất cả các bị cáo); điểm i, s khoản 1 Điều 51 (Đối với T1, N, T2, I); điểm x khoản 1 Điều 51 (Đối với I); điểm s khoản 1 Điều 51 (Đối với L); khoản 2 Điều 51 (Đối với N, I, L); khoản 3 Điều 321; Điều 35 (Đối với T1, N, T2, L) của Bộ luật Hình sự.

Căn cứ các Điều 106; 136; 331; 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Căn cứ Luật phí và Lệ phí số 97/2015/QH 13 ngày 25/11/2015 của Quốc hội.

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[2] Tuyên bố: Các bị cáo Hoàng Trung T1, Lê Xuân N, Lê Văn T2, Lê Công L, Lê Văn I phạm tội “Đánh bạc”.

[3] Xử phạt:

- Bị cáo Lê Công L 15 (Mười lăm) tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 30 (Ba mươi) tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

- Bị cáo Hoàng Trung T1 12 (Mười hai) tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 24 (Hai mươi bốn) tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

- Bị cáo Lê Xuân N 10 (Mười) tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 20 (Hai mươi) tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

- Bị cáo Lê Văn T2 10 (Mười) tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 20 (Hai mươi) tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

- Bị cáo Lê Văn I 09 (Chín) tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 18 (Mười tám) tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Hoàng Trung T1 cho Ủy ban nhân dân xã LC, huyện TL, tỉnh Hà Nam giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Giao các bị cáo Lê Xuân N, Lê Văn T2, Lê Công L, Lê Văn I cho Ủy ban nhân dân xã LT, thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của Luật Thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ hai lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

[4] Về hình phạt bổ sung: Phạt các bị cáo Hoàng Trung T1, Lê Xuân N, Lê Văn T2, Lê Công L mỗi bị cáo 2.000.000đ (Hai triệu đồng) sung Ngân sách Nhà nước.

[5] Về xử lý vật chứng:

- Tịch thu và tiêu hủy: 01 chiếc chiếu cói màu vàng, có viền màu đỏ, ở giữa có hoa văn màu đỏ và xanh; 52 cây tú lơ khơ, mặt sau mỗi cây có hoa văn màu xanh.

- Tịch thu sung Ngân sách Nhà nước: số tiền 12.466.000đ (Mười hai triệu, bốn trăm sáu mươi sáu nghìn đồng).

( Các vật chứng nêu trên có tình trạng, đặc điểm như biên bản giao nhận vật chứng giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Phủ Lý và Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Phủ Lý ngày 05/8/2020 và Ủy nhiệm chi số 48 lập ngày 11/8/2020).

[6] Án phí hình sự sơ thẩm: Buộc các bị cáo Hoàng Trung T1, Lê Xuân N, Lê Văn T2, Lê Công L, Lê Văn I mỗi bị cáo phải nộp 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng).

Về quyền kháng cáo đối với bản án: Các bị cáo được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Hà Nam;
- VKSND tỉnh Hà Nam;
- VKSND thành phố Phủ Lý;
- CQ CSĐT CA thành phố Phủ Lý;
- Chi cục THADS thành phố Phủ Lý;
- CQ THAHS có thẩm quyền;
- Bị cáo;
- Lưu hồ sơ.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa**

**(Đã ký)**

**Nguyễn Thị Xuyên**